TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn.**

2. Bà **Nguyễn Thị Ly.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 527/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày: Chị và anh C do tự tìm hiểu và sống chung với nhau năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc đến tháng 05 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau, anh C chỉ biết lo cờ bạc, đánh chị và con nhiều lần. Tuy mâu thuẫn nhưng anh chị vẫn sống chung trong nhà. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hồng N, sinh ngày 18/3/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thời gian sống chung anh chị tạo lập được ngôi nhà cấp IV, hiện nay anh chị đang sinh sống, khi ly hôn chị đồng ý chia đôi số tài sản này.

Về nợ chung: Hiện nay anh chị nợ Quỹ tín dụng thị trấn M2 số tiền 50.000.000 đồng, nợ tiền vật tư nông nghiệp 27.500.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu vợ chồng cùng có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này.

- Bị đơn anh Phạm Văn C trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị L xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hồng N, sinh ngày 18/3/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thời gian sống chung anh chị tạo lập được ngôi nhà cấp IV, hiện nay anh chị đang sinh sống.

Diện tích đất lúa 2.060m^2 hiện nay anh đang canh tác, trị giá 200.000.000 đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi số tài sản này.

Về nợ chung: Hiện nay anh chị nợ Quỹ tín dụng thị trấn M2 số tiền 50.000.000 đồng, nợ tiền vật tư nông nghiệp 50.000.000 đồng, nợ mua giống bắp non của bà T 10.000.000 đồng, nợ bà H 3.500.000 đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu vợ chồng cùng có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Huỳnh Thị L khởi kiện anh Phạm Văn C cư trú ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị L và anh C tổ chức lễ cưới vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh C thường hay đánh chị và con. Chị và anh C không còn sống chung từ tháng 05/2019 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị L và anh C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C. Tại phiên tòa anh C đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nghĩ nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hồng N, sinh ngày 18/3/2011, hiện cháu N đang sống chung với chị L, anh C. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Tại phiên tòa anh C đồng ý giao cháu N cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong quá trình làm việc Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu N, cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị L. Hội đồng xét xử, nghĩ nên để chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa chị L, anh C xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Tại phiên tòa chị L, anh C xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L, anh C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh C, chị L trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 53, Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị L với anh Phạm Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 quyển số 01/2014 ngày 10.01.2014 của Ủy ban nhân xã M1, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Hồng N, sinh ngày 18/3/2011. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị L, anh Phạm Văn C thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị L, anh Phạm Văn C thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L, anh C thống nhất không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh C và chị L trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

(ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013236 ngày 27.6.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị L không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M1, huyện C;
tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn